

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM - ĐỔI MỚI TỪ NHẬN THỨC ĐẾN THỰC TIỄN

GS.TS. Nguyễn Trọng Cơ* - TS. Nguyễn Thu Trang** - Ths. Đặng Tuấn Minh***

Ngày 04 tháng 5 năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong nhận thức và chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, thể hiện một sự thay đổi đột phá trong tư duy và nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế tư nhân (KTTN). Bài viết tập trung phân tích, làm rõ sự chuyển dịch nhận thức về vai trò của KTTN tác động đến những hành động cụ thể trong chính sách và thực tiễn. Từ đó có đánh giá, chỉ ra những thành tựu nổi bật, nhận diện các hạn chế, thách thức còn tồn tại và đề xuất các giải pháp chiến lược nhằm thúc đẩy KTTN phát triển mạnh mẽ, bền vững hơn nữa trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

• Từ khóa: kinh tế tư nhân (KTTN); nhận thức, thể chế, chính sách, tăng trưởng kinh tế.

On May 4, 2025, the Politburo of the Communist Party of Vietnam issued Resolution No. 68-NQ/TW to promote private sector development. This resolution represents a pivotal shift in the Party's ideology and policy, reflecting a transformative view of the private economy's role and importance. This paper analyzes the evolution of the Party's perception of the private sector and how this shift translates into concrete policies and practical outcomes. It evaluates key achievements, identifies ongoing limitations and challenges, and proposes strategic solutions to promote a stronger, more sustainable private sector. The analysis considers Vietnam's deepening global integration and the ongoing Fourth Industrial Revolution.

• Key words: private economy, perception, institutions, policy, economic growth.

Ngày gửi bài: 05/5/2025

Ngày gửi phản biện: 20/5/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 22/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 02/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i290.03>

Lời mở đầu

Kinh tế tư nhân (KTTN) là một bộ phận không thể thiếu và đóng vai trò động lực quan trọng trong hầu hết các nền kinh tế thị trường thành công trên thế giới. Ở Việt Nam, sau gần 40 năm Đổi mới, KTTN đã trải qua một hành trình đầy biến động, từ chỗ bị coi là “phi xã hội chủ nghĩa” đến nay được khẳng định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển dịch này không chỉ là sự thay đổi về cơ cấu kinh tế mà còn

là một quá trình phát triển sâu sắc trong nhận thức và thể chế của Đảng và Nhà nước.

1. Cơ sở lý luận về kinh tế tư nhân và vai trò trong nền kinh tế thị trường hiện đại

1.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh tế tư nhân

+ Khái niệm: Kinh tế tư nhân là khu vực kinh tế mà trong đó quyền sở hữu tư liệu sản xuất (vốn, tài sản, lao động, công nghệ) thuộc về cá nhân, nhóm cá nhân, hoặc các tổ chức không thuộc sở hữu nhà nước. Mục tiêu chính của các chủ thể KTTN là tối đa hóa lợi nhuận thông qua việc sản xuất, cung cấp hàng hóa và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Ở Việt Nam, các loại hình KTTN rất đa dạng, từ hộ kinh doanh cá thể, trang trại, hợp tác xã phi nhà nước, đến các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có vốn tư nhân chiếm ưu thế.

+ Đặc điểm nổi bật của kinh tế tư nhân ở Việt Nam:

Năng động và linh hoạt: KTTN dễ dàng thích nghi với biến động của thị trường, nhanh chóng nắm bắt cơ hội kinh doanh và điều chỉnh chiến lược sản xuất.

Thúc đẩy cạnh tranh và đổi mới sáng tạo: Các doanh nghiệp liên tục đổi mới về công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh thích ứng với sự thay đổi của từng thời kỳ.

Định hướng hoạt động vì lợi nhuận: Áp lực cạnh tranh và mục tiêu lợi nhuận, thúc đẩy các doanh nghiệp tư nhân không ngừng nâng cao năng suất, giảm chi phí và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động.

Khả năng huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả: KTTN có khả năng huy động vốn nhân rồi trong dân cư, sử dụng hiệu quả nguồn lực lao động, đất đai và tài nguyên nhờ cơ chế thị trường.

* Học viện Tài chính

** Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội

*** Chi cục Hải quan Khu vực V

1.2. Vai trò động lực của kinh tế tư nhân trong phát triển kinh tế - xã hội

Cùng với sự phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, KTTN ngày càng được coi trọng và được công nhận là một “động lực chủ yếu” cho sự phát triển bền vững và có một số vai trò chủ yếu sau:

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;
- Góp phần tạo việc làm và cải thiện đời sống nhân dân;
- Kích thích đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ;
- Tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường;
- Là khu vực huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội.

1.3. Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tư nhân

Trung Quốc với Mô hình “Chủ nghĩa tư bản nhà nước” và “Doanh nghiệp lai”:

Trung Quốc là một trường hợp đặc biệt với sự phát triển song song của KTTN và các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) khổng lồ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. KTTN ở Trung Quốc phát triển mạnh mẽ từ những doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể ở nông thôn và họ nhanh chóng nắm bắt cơ hội thị trường và bùng nổ về số lượng. DNNN vẫn nắm giữ các ngành chiến lược, cơ sở hạ tầng và đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, DNNN cũng được cải cách để hoạt động theo cơ chế thị trường hơn, vẫn cạnh tranh nhưng coi trọng hợp tác. KTTN cạnh tranh và đồng thời hợp tác với DNNN. Nhiều doanh nghiệp tư nhân đã phát triển thành các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới (Alibaba, Tencent, Huawei), cạnh tranh sòng phẳng với các công ty phương Tây; Chính phủ Trung Quốc cung cấp nhiều ưu đãi về đất đai, tín dụng và tiếp cận thị trường cho KTTN, đặc biệt là các doanh nghiệp công nghệ cao và định hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, sự can thiệp của nhà nước vào các quyết định kinh doanh của tư nhân vẫn còn đáng kể.

Hàn Quốc: một trong hai “con hổ châu Á” này là những ví dụ điển hình về việc thúc đẩy KTTN thông qua chính sách hỗ trợ mạnh mẽ và kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi. Cụ thể: Chính phủ Hàn Quốc đã chủ động lựa chọn và hỗ trợ các tập đoàn tư nhân lớn (Chaebol như Samsung, Hyundai, LG, Daewoo) thông qua các chính sách tín dụng ưu đãi, bảo hộ thị trường nội địa và định hướng phát triển ngành. Mục tiêu là

tạo ra những “nhà vô địch quốc gia” có khả năng cạnh tranh toàn cầu; Các Chaebol được khuyến khích mạnh mẽ để tập trung vào xuất khẩu, từ đó tích lũy vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý; Chính phủ và các Chaebol đều đầu tư mạnh vào nghiên cứu và phát triển, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao; Chính phủ cung cấp ưu đãi nhưng cũng áp dụng kỷ luật nghiêm ngặt nếu các tập đoàn không đạt được mục tiêu đề ra.

Bài học cho Việt Nam: Kinh nghiệm quốc tế cho thấy: các nền kinh tế phát triển và đang phát triển thành công đều có điểm chung là sự lớn mạnh của KTTN, cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng một khung pháp lý minh bạch, ổn định, bảo vệ quyền sở hữu tài sản; đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng; giảm thiểu rào cản hành chính và chi phí không chính thức; và có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận vốn, công nghệ và thị trường.

2. Quá trình chuyển dịch nhận thức về kinh tế tư nhân ở Việt Nam

Hành trình của KTTN ở Việt Nam gắn liền với sự thay đổi căn bản trong tư duy và định hướng chính sách của Đảng và Nhà nước qua các giai đoạn lịch sử, cụ thể:

2.1. Giai đoạn trước Đổi mới (trước 1986): Nhận thức hạn chế và kìm hãm

Trong giai đoạn này, Việt Nam thực hiện mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, lấy sở hữu toàn dân (kinh tế quốc doanh) và sở hữu tập thể làm chủ đạo. KTTN, đặc biệt là kinh tế tư bản tư nhân, thường bị coi là “thành phần phi xã hội chủ nghĩa” hoặc “giai cấp bóc lột”, kinh doanh cá thể cũng bị kiểm soát chặt chẽ. Tư duy chủ đạo là loại bỏ tàn dư của kinh tế tư nhân để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần túy. Vì thế, các chính sách pháp luật của Đảng và nhà nước tập trung vào việc hạn chế, kiểm soát và tiến tới loại bỏ KTTN. Sự kìm hãm KTTN đã dẫn đến tình trạng nền kinh tế trì trệ, thiếu hụt nghiêm trọng hàng hóa và dịch vụ, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, nạn tem phiếu phổ biến. Điều này cho thấy, việc bỏ qua vai trò của KTTN là một sai lầm trong hoạch định chính sách kinh tế.

2.2. Giai đoạn Đổi mới (1986 - 2000): Nhận thức bước đầu được khai mở - Từ “cần loại bỏ” đến “tồn tại khách quan”

Đại hội VI của Đảng (1986) với chủ trương Đổi mới toàn diện là một bước ngoặt lịch sử. Lần đầu tiên, “kinh tế nhiều thành phần” được thừa nhận, trong đó có kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân. KTTN được nhìn nhận là một “tồn tại khách quan”, một thành phần kinh tế cần thiết để bổ sung cho kinh tế nhà nước và tập thể, góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt hàng hóa và việc làm. Tuy nhiên, nhận thức

này vẫn mang tính chất “chấp nhận” hơn là “khuyến khích phát triển”. KTTN vẫn được xem là “bổ sung” cho kinh tế nhà nước, chưa phải là động lực chính.

Nhận thức mới về KTTN được cụ thể hóa bằng các văn bản pháp lý quan trọng như: Hiến pháp 1992: Chính thức công nhận và bảo hộ các thành phần kinh tế, bao gồm KTTN; Luật Doanh nghiệp tư nhân (1990) và Luật Công ty (1990): Hai đạo luật này mở ra hành lang pháp lý cho phép cá nhân và tổ chức được quyền thành lập, đăng ký và hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH và công ty cổ phần. Tuy nhiên, KTTN vẫn còn chịu nhiều hạn chế, đặc biệt là trong việc tiếp cận vốn và các nguồn lực lớn so với kinh tế nhà nước và định kiến về KTTN vẫn chưa hoàn toàn mất đi.

2.3. Giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng (2000 - 2025): Khẳng định vị thế động lực - Từ “tồn tại khách quan” đến “động lực quan trọng”

Bước sang thế kỷ XXI, đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2007, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đã đặt ra yêu cầu phải có một nền kinh tế năng động, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao. Điều này thúc đẩy sự thay đổi nhận thức về KTTN lên một tầm cao mới. KTTN được thừa nhận là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX (2002): Khẳng định “*Kinh tế tư nhân là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Điều này cho thấy sự công nhận rõ ràng hơn về vai trò không thể thiếu của KTTN. Tiếp đến là Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (2017) tiếp tục khẳng định “*phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”. Đây là dấu mốc quan trọng không chỉ thừa nhận vai trò mà còn đặt ra mục tiêu chiến lược, định hướng cho sự phát triển của KTTN trong dài hạn.

Đề cụ thể hóa chủ trương coi “*phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” một hệ thống văn bản pháp luật và chính sách ngày càng hoàn thiện đã được ban hành tạo môi trường thuận lợi hơn bao giờ hết cho KTTN phát triển. Cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp (2005, 2014, 2020): Đặc biệt, Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ nhiều ngành nghề kinh doanh có điều kiện, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

- Luật Đầu tư: Đảm bảo quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề không cấm, tạo sự bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

- Luật Cạnh tranh (2004, 2018): Nhằm tạo ra một sân chơi bình đẳng, ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh và độc quyền, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (2017): Đây là một đạo luật riêng biệt, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước đến đối tượng chiếm đa số trong KTTN, cung cấp các chính sách hỗ trợ cụ thể về vốn, công nghệ, đào tạo, thông tin.

- Các Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh: Nghị quyết 19, Nghị quyết 02 hàng năm, liên tục đặt ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể để cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Nhờ sự thay đổi nhận thức và hệ thống chính sách pháp luật được hoàn thiện dần mà một làn sóng phát triển mạnh mẽ của KTTN, cả về số lượng và chất lượng, có những đóng góp đặc biệt vào GDP, tăng thu ngân sách, quá trình tạo việc làm và góp phần quan trọng vào việc xóa đói, giảm nghèo, giảm chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, giữa thành thị và nông thôn

2.4. Giai đoạn hiện nay: “động lực quan trọng nhất” cùng với sự ra đời của Nghị quyết 68-NQ/TW

Sau gần 40 năm đổi mới, kinh tế tư nhân nước ta đã từng bước phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều rào cản và hạn chế khiến khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam. Điều đó đòi hỏi phải có sự thay đổi đột phá trong tư duy và nhận thức về kinh tế tư nhân. Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, được ban hành vào ngày 04/05/2025, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong nhận thức và chính sách Đảng về vai trò, vị trí của kinh tế tư nhân. Cụ thể:

- Nâng tầm vị thế: Nếu như trước đây, kinh tế tư nhân được xác định là “một bộ phận của nền kinh tế” rồi đến “một bộ phận quan trọng của nền kinh tế”, thì Nghị quyết 68-NQ/TW đã có một bước tiến quan trọng khi khẳng định “*kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia*”

- Đề cao và tôn vinh doanh nhân: Nghị quyết đề cao và tôn vinh tinh thần doanh nhân, xem họ là những “chiến sĩ trên mặt trận kinh tế”, theo đó, xóa bỏ định kiến, xây dựng văn hóa tôn trọng doanh nhân và khơi dậy mạnh mẽ khát vọng khởi nghiệp, làm giàu chính đáng trong toàn xã hội.

- Kiến tạo môi trường kinh doanh bình đẳng: Nghị quyết mạnh dạn trao lại những quyền chính đáng cho doanh nghiệp, đảm bảo các quyền cơ bản như quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh

tranh bình đẳng và quyền được tiếp cận một cách công bằng với các nguồn lực của đất nước.

- Giảm thiểu rủi ro và hình sự hóa: Nghị quyết chú trọng việc xử lý trách nhiệm của khu vực kinh tế tư nhân theo hướng “không hình sự hóa”, giảm thiểu rất nhiều rủi ro cho khu vực này. Đồng thời, có định hướng giảm bớt ngành nghề kinh doanh có điều kiện, cắt giảm 30% thủ tục quy định chi phí tuân thủ.

- Hỗ trợ và thúc đẩy chuyển đổi: Nghị quyết khuyến khích chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, đơn giản hóa chế độ kê toán, thuế, bảo hiểm và có lộ trình xóa bỏ thuế khoán; thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân “sếu đầu đàn” để thay thế đầu tư công trong vai trò động lực tăng trưởng quan trọng của nền kinh tế.

- Tăng cường vai trò kiến tạo của Nhà nước: Nghị quyết nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò kiến tạo của Nhà nước, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể. Điều này thể hiện cam kết của Nhà nước trong việc đồng hành cùng doanh nghiệp để kinh tế tư nhân thực sự cất cánh

Với sự thay đổi đột phá trong nhận thức và tư duy, nhiều văn bản pháp lý được ban hành để cụ thể hóa và quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Cụ thể:

- Nghị quyết 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Nghị quyết này tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân; tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp FDI; hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu;

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2015 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Nghị quyết của Quốc hội tạo căn cứ pháp lý hỗ trợ và thúc đẩy KTTN phát triển, trở thành động lực quan trọng nhất trong nền kinh tế quốc gia thông qua cơ chế chính sách đặc biệt nhằm cải thiện môi trường kinh doanh. Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng, các chính sách pháp lý hợp lý;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ: Ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Nhằm tổ chức thể chế hóa và triển khai đầy đủ, đồng bộ, nhất quán các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết

số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2015 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; xác định rõ nhiệm vụ cụ thể làm căn cứ để các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 198/2025/QH15 đảm bảo hiện thực hóa mục tiêu kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia.

Có thể nói, Nghị quyết 68-NQ/TW không chỉ là một văn bản chính sách mà còn là một “cú hích tinh thần” quan trọng, thể hiện sự chuyển mình thực chất trong tư duy phát triển kinh tế của Việt Nam, hướng tới xây dựng một nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập và bền vững. Nghị quyết 68-NQ/TW và hệ thống pháp luật, chính sách cụ thể hóa và tổ chức triển khai đã tạo ra luồng sinh khí mới thúc đẩy KTTN phát triển, khơi dậy và lan tỏa khát vọng cống hiến đưa dân tộc bước vào kỷ nguyên vươn mình vì một Việt Nam phồn vinh, thịnh vượng, hạnh phúc, hùng mạnh.

3. Thực tiễn phát triển kinh tế tư nhân ở Việt Nam: Thành tựu và thách thức

3.1. Những thành tựu nổi bật

Quá trình chuyển dịch nhận thức đã tạo nền tảng cho sự bùng nổ của KTTN, KTTN đã trở thành một trụ cột vững chắc của nền kinh tế Việt Nam với những đóng góp ấn tượng:

- Đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, khu vực KTTN đóng góp khoảng 40-45% GDP của cả nước. Khu vực này cũng đóng góp trên 50% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, cho thấy năng lực huy động vốn nội lực mạnh mẽ.

- Tạo việc làm và cải thiện đời sống: KTTN là khu vực tạo ra hơn 85% việc làm cho nền kinh tế, thu hút một lượng lớn lao động từ các khu vực nông thôn và đô thị, góp phần quan trọng vào công cuộc giảm nghèo, nâng cao thu nhập và ổn định xã hội.

- Đa dạng hóa ngành nghề và sự xuất hiện các "đại bàng" tư nhân: KTTN đã phủ sóng hầu hết các ngành nghề, từ sản xuất, thương mại, dịch vụ đến các lĩnh vực công nghệ cao, tài chính. Nhiều tập đoàn tư nhân Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ, trở thành những "sếu đầu đàn", có khả năng cạnh tranh quốc tế như Vingroup, FPT, Masan, Thaco (ô tô, nông nghiệp), Vietjet Air (hàng không giá rẻ). Sự phát triển của các doanh nghiệp này không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế mà còn nâng cao vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trên trường quốc tế.

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Đến nay, nhiều doanh nghiệp đã tiên phong trong chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đóng góp vào thu ngân sách nhà nước: KTTN là nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước thông qua thuế và các khoản đóng góp khác, giúp Nhà nước có thêm nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội.

3.2. Những hạn chế và thách thức còn tồn tại

Mặc dù có những bước tiến vượt bậc, KTTN ở Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản và “điểm nghẽn” cần được tháo gỡ để phát huy tối đa tiềm năng:

- Quy mô doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chiếm chủ đạo, năng lực cạnh tranh còn yếu. Số doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 98-99% tổng số doanh nghiệp ở Việt Nam. Điều này hạn chế khả năng tích lũy vốn, đầu tư công nghệ, thu hút nhân tài và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp nhỏ dễ bị tổn thương trước những biến động lớn của thị trường, thiên tai, dịch bệnh.

- KTTN gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận nguồn lực: DNNVV vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn ngân hàng do thiếu tài sản đảm bảo, thông tin minh bạch, hoặc không đáp ứng được các điều kiện vay vốn nghiêm ngặt. Các kênh huy động vốn khác như thị trường chứng khoán (cho DNNVV), quỹ đầu tư còn hạn chế về quy mô và tính thanh khoản; đặc biệt là DNNVV, còn lạc hậu về công nghệ, thiếu thông tin về thị trường, chính sách và khó khăn trong việc tiếp cận, chuyển giao công nghệ mới từ nước ngoài.

- KTTN còn gặp những rào cản thể chế và thủ tục hành chính: Việc thực hiện các thủ tục liên quan đến cấp phép, thuế, kiểm tra, kiểm soát vẫn còn tồn thời gian, chi phí không chính thức, làm giảm niềm tin và nản lòng doanh nghiệp. Vẫn còn tình trạng “trên nóng dưới lạnh” hay “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” trong thực thi chính sách ở một số cấp chính quyền địa phương, bộ, ngành. Một bộ phận cán bộ còn thiếu năng lực chuyên môn, thiếu tinh thần phục vụ, thậm chí có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- KTTN còn thiếu liên kết và hợp tác: Liên kết giữa KTTN với DNNN và doanh nghiệp FDI cũng chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến việc bỏ lỡ các cơ hội hợp tác và chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý.

- KTTN đứng trước nhiều thách thức từ hội nhập và chuyển đổi xanh/số: Áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các doanh nghiệp nước ngoài (FDI và các tập đoàn đa quốc gia) khi Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn vào kinh tế toàn cầu; Nhiều doanh nghiệp tư nhân còn lúng túng trong việc thực hiện chuyển đổi kép (chuyển đổi xanh và chuyển đổi số), do thiếu vốn, công nghệ và nhân lực, trong khi đây là xu thế tất yếu của thế giới.

4. Định hướng và giải pháp chiến lược thúc đẩy Kinh tế Tư nhân phát triển bền vững

Để KTTN thực sự trở thành động lực quan trọng và bứt phá trong bối cảnh mới, Việt Nam cần triển khai các giải pháp đồng bộ và quyết liệt, gắn liền giữa nhận thức và hành động. Cụ thể:

4.1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, minh bạch và ổn định

Đây là giải pháp cốt lõi để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, công bằng và đáng tin cậy cho KTTN phát triển bền vững, thực sự trở thành đòn bẩy cho Việt Nam bước vào kỷ nguyên vươn mình thành cường thịnh, hùng mạnh. Hoàn thiện thể chế chính sách hướng tới:

- Đảm bảo quyền tài sản và tự do kinh doanh: Tiếp tục rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật (Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự...) để đảm bảo quyền tài sản và quyền tự do kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp và cá nhân một cách tuyệt đối. Xây dựng khung pháp lý rõ ràng, minh bạch, có tính ổn định.

- Cải cách hành chính thực chất và triệt để: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, đơn giản hóa, minh bạch hóa và cắt giảm tối đa chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Đồng thời, xây dựng một nền hành chính kiến tạo, phục vụ, không những nhiễu, không gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng: nhằm tạo sân chơi công bằng trong việc tiếp cận các nguồn lực như đất đai, vốn, thông tin và cơ hội kinh doanh.

- Phát triển đồng bộ các loại thị trường yếu tố sản xuất: Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thị trường vốn (ngân hàng, chứng khoán, quỹ đầu tư), thị trường đất đai, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ hoạt động hiệu quả, công khai, minh bạch. Khuyến khích sự phát triển của các kênh huy động vốn đa dạng cho doanh nghiệp (tín dụng, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, quỹ đầu tư mạo hiểm...).

4.2. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động nội tại của doanh nghiệp tư nhân

- Hỗ trợ tiếp cận vốn và tài chính hiệu quả: Đa dạng hóa các kênh huy động vốn, không chỉ dựa vào tín dụng ngân hàng, xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ bảo lãnh tín dụng để giúp DNNVV tiếp cận vốn dễ dàng hơn.

- Thúc đẩy đổi mới công nghệ và chuyển đổi số: Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ từ nước ngoài. Chính phủ cần có các chương trình hỗ trợ, tư vấn và cung cấp công cụ để

doanh nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất kinh doanh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Nâng cao năng lực quản trị, quản lý cho đội ngũ doanh nhân. Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học để đào tạo theo nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động.

- Khuyến khích liên kết, hợp tác và hình thành chuỗi giá trị: Tạo điều kiện để các doanh nghiệp tư nhân liên kết với nhau, hình thành các cụm ngành, chuỗi cung ứng lớn, nâng cao sức cạnh tranh. Thúc đẩy hợp tác giữa KTTN với DNNN và doanh nghiệp FDI để tận dụng lợi thế của từng thành phần, học hỏi kinh nghiệm quản lý, công nghệ và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Nâng cao đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, minh bạch, có trách nhiệm với xã hội, môi trường và người lao động.

4.3. Nâng cao vai trò kiến tạo và hỗ trợ của Nhà nước

Nhà nước cần tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò kiến tạo, đồng hành và hỗ trợ KTTN phát triển thông qua kiến tạo và hỗ trợ như:

- Hoàn thiện thể chế, chính sách: Đây là nhiệm vụ hàng đầu và xuyên suốt, tạo hành lang pháp lý thông thoáng, ổn định, minh bạch cho KTTN.

- Cung cấp dịch vụ công chất lượng và hiệu quả: Nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như thông tin thị trường, tư vấn pháp lý, xúc tiến thương mại, hỗ trợ xuất nhập khẩu, đào tạo.

- Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ: Tiếp tục đầu tư đồng bộ vào hạ tầng giao thông, logistics, năng lượng, viễn thông, hạ tầng số để giảm chi phí đầu vào và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

- Đảm bảo an ninh, trật tự xã hội và môi trường ổn định: Tạo môi trường an toàn, ổn định để doanh nghiệp yên tâm đầu tư, sản xuất kinh doanh lâu dài.

- Tăng cường đối thoại và phản biện chính sách: Xây dựng các kênh đối thoại thường xuyên, thực chất, hiệu quả giữa Nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp để lắng nghe ý kiến, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức tận tâm, chuyên nghiệp: Nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, chấm dứt tình

trạng nhũng nhiễu, “chi phí không chính thức” đối với doanh nghiệp.

Kết luận

Quá trình phát triển của KTTN ở Việt Nam là một minh chứng rõ nét cho sự chuyển dịch mạnh mẽ và đúng đắn trong nhận thức và hành động của Đảng và Nhà nước. Từ chỗ bị hạn chế, KTTN đã được công nhận là một thành phần kinh tế quan trọng và nay là **động lực chính, quan trọng nhất** của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế tư nhân là đòn bẩy để nước ta thịnh vượng. Những thành tựu mà KTTN đóng góp vào GDP, tạo việc làm, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là không thể phủ nhận.

Tuy nhiên, để KTTN thực sự phát triển bền vững, vươn tầm khu vực và quốc tế, đòi hỏi sự kiên định trong việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, đảm bảo môi trường kinh doanh thực sự bình đẳng, minh bạch và dễ dự báo. Đồng thời, chính bản thân các doanh nghiệp tư nhân cũng cần không ngừng nâng cao năng lực quản trị, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ý thức trách nhiệm xã hội.

Việc tiếp tục củng cố và phát triển KTTN không chỉ là một yêu cầu kinh tế khách quan mà còn là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển bền vững. Chỉ khi KTTN thực sự được giải phóng và phát huy tối đa tiềm năng, Việt Nam mới có thể đạt được những bước đột phá mạnh mẽ hơn nữa trong chặng đường phát triển sắp tới, vững vàng vươn mình tới phồn vinh, thịnh vượng, hùng mạnh.

Tài liệu tham khảo:

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc khóa IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Nghị quyết 5-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (2002) về “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”.
- Nghị quyết số 10-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (2017) “Về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.
- Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, được ban hành vào ngày 04/05/2025.
- Luật Doanh nghiệp tư nhân (1990) và Luật Công ty (1990); Luật Doanh nghiệp (2005, 2014, 2020); Luật Đầu tư (2005, 2014, 2020); Luật Cạnh tranh (2004, 2018); Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (2017).
- Nghị quyết 138/NQ-CP Ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.
- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2015 của Quốc hội về một số cơ chế chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.
- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ: Ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.
- <https://baohinhphu.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-don-bay-cho-mot-viet-nam-thinh-vuong-10225031716522207.htm>
- <https://baohinhphu.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-phai-rut-ngan-khoang-cach-ve-tu-duy-niem-tin-toc-do-10225031523047101.htm>
- <https://kinhtevadubao.vn/tin-tuc/kinh-te-tu-nhan-nguon-luc-quan-trong-cua-nen-kinh-te-trung-quoc/187784.html>
- <https://vneconomy.vn/quan-diem-cua-dang-cong-san-trung-quoc-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan.htm>
- <https://kinhtevadubao.vn/thuc-trang-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-o-viet-nam-29803.html>
- <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/06/05/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-trong-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc/>